

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04 /2024/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 24 tháng 4 năm 2024

### NGHỊ QUYẾT

Về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn  
vốn ngân sách nhà nước tỉnh Bến Tre từ năm 2023 sang năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE  
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 12  
(KỲ HỌP ĐỂ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐỘT XUẤT)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy  
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính  
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ  
tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số  
973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội  
quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn  
ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021 – 2025;

Xét Tờ trình số 1954/TTr-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết kéo dài thời gian thực hiện và giải  
ngân kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Bến Tre từ năm  
2023 sang năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng  
nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư  
công nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Bến Tre từ năm 2023 sang năm 2024, với  
tổng số vốn được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân là 81.881 triệu  
đồng (Tám mươi một tỷ, tám trăm tám mươi một triệu đồng), cụ thể như sau:

1. Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân  
sách cấp tỉnh từ năm 2023 sang năm 2024, với tổng số vốn kéo dài là 62.639 triệu  
đồng; cụ thể:



a) Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 là 2.655 triệu đồng;

b) Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất là 8.527 triệu đồng;

c) Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết là 34.588 triệu đồng;

d) Vốn từ nguồn vốn chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh năm 2022 sang năm 2023 (nguồn tiết kiệm chi) là 4.201 triệu đồng;

đ) Vốn đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết năm 2023 là 12.668 triệu đồng.

2. Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách cấp huyện từ năm 2023 sang năm 2024 đối với nguồn tăng thu sử dụng đất cấp huyện, với tổng số vốn kéo dài là 19.242 triệu đồng.

*(Chi tiết danh mục dự án được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Bến Tre (nguồn ngân sách địa phương) năm 2023 sang năm 2024 theo Phụ lục I, II đính kèm)*

**Điều 2.** Thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn kéo dài cho các dự án đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, Kỳ họp thứ 12 (kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất) thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 5 năm 2024./.

#### **Nơi nhận:**

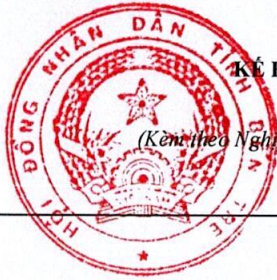
- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Kiểm toán nhà nước KV IX;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở: KHĐT; TC, TP; KBNN tỉnh; Thanh tra tỉnh;
- Văn phòng: ĐĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Khởi, Đài PT-TH tỉnh;
- Trang TTĐT ĐBND tỉnh Bến Tre, Trung tâm TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.



**CHỦ TỊCH**

**Hồ Thị Hoàng Yến**





Phụ lục I

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2023  
KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 04 /2024/NQ-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	Vốn kế hoạch năm 2023	Giải ngân Kế hoạch vốn đến ngày 31/01/2024	Số vốn còn lại chưa giải ngân và đề nghị kéo dài sang năm 2024	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>TỔNG</b>			<b>308,873</b>	<b>245,596</b>	<b>62,639</b>	
<b>A.1</b>	<b>VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC QUY ĐỊNH TẠI QĐ 26/2020/QĐ-TTg</b>			<b>46,266</b>	<b>42,973</b>	<b>2,655</b>	
<b>I</b>	<b>Bổ trí vốn kế hoạch để triển khai các nhiệm vụ lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch</b>			<b>10,151</b>	<b>9,815</b>	<b>336</b>	
1	Lập Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	7788067	Sở KHĐT	10,151	9,815	336	Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực An ninh-Quốc phòng</b>			<b>31,005</b>	<b>30,358</b>	<b>647</b>	
1	Trạm kiểm soát biên phòng Hàm Luông	61100008	BCH Bộ đội Biên phòng	4,347	4,274	73	Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP
2	Đền bù giải phóng mặt bằng để đầu tư xây dựng công trình Ban CHQS huyện Giồng Trôm/ Bộ CHQS tỉnh Bến Tre/Quân khu 9 (Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư)	61100017	Bộ CHQS tỉnh	26,658	26,084	574	Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP
<b>III</b>	<b>Phân cấp huyện - thành phố</b>			<b>4,910</b>	<b>2,800</b>	<b>1,472</b>	
1	Huyện Mô Cày Nam			1,941		1,341	
	Đường ĐX 05 (từ QL 57, đến ranh xã An Thới-Đường Giồng Vỡ), xã An Định	8051428	UBND huyện Mô Cày Nam	1,941	600	1,341	Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP
2	Huyện Thạnh Phú			1,824	1,747	77	



STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	Vốn kế hoạch năm 2023	Giải ngân Kế hoạch vốn đến ngày 31/01/2024	Số vốn còn lại chưa giải ngân và đề nghị kéo dài sang năm 2024	Ghi chú
2		3	4	5	6	7	8
	Sửa chữa Hội trường UBND thị trấn Thanh Phú		UBND huyện Thanh Phú	613	609	4	Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP
	Nâng cấp, sửa chữa cổng, hàng rào mặt trước Nghĩa trang liệt sĩ huyện		UBND huyện Thanh Phú	1,211	1,138	73	Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP
3	Huyện Mỏ Cày Bắc			1,145	1,053	54	
	Cải tạo hội trường nhà văn hóa, xây dựng mới 05 phòng chức năng xã Thanh Ngãi	7963343	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	500	449	17	Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP
	Đường ĐX. 05 (đoạn từ đường ĐX. 03 đến ĐX.01 xã Hưng Khánh Trung A - Nhánh 02), xã Phước Mỹ Trung	7964947	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	312	284	24	Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP
	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐX.02 (đoạn từ ĐH.DK.38 - giáp xã Thanh Ngãi và nhánh rẽ đến ngã 3 Địa Dứa), xã Phú Mỹ, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	8073236	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	333	320	13	Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP
<b>IV</b>	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>			<b>200</b>		<b>200</b>	
1	Xây dựng Trung tâm dữ liệu của tỉnh; kho dữ liệu dùng chung của tỉnh Bến Tre phục vụ phát triển chính quyền số và Hệ sinh thái dữ liệu mở		Sở Thông tin và Truyền thông	100		100	Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP
2	Triển khai các ứng dụng nhằm nâng cao sự tương tác giữa chính quyền và người dân		Sở Thông tin và Truyền thông	100		100	Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP
<b>A.2</b>	<b>VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN SỬ DỤNG ĐẤT</b>			<b>20,464</b>	<b>11,937</b>	<b>8,527</b>	
	<b>Phân cấp huyện - thành phố</b>			<b>20,464</b>	<b>11,937</b>	<b>8,527</b>	
1	Huyện Mỏ Cày Nam			1,328	804	524	
	Đo đạc, chỉnh lý hồ sơ địa chính các công trình công cộng có nguồn gốc đất do người dân hiến đất	8021794	UBND huyện Mỏ Cày Nam	775	287	488	Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP





	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	Vốn kế hoạch năm 2023	Giải ngân Kế hoạch vốn đến ngày 31/01/2024	Số vốn còn lại chưa giải ngân và đề nghị kéo dài sang năm 2024	Ghi chú
	2	3	4	5	6	7	8
	Đường ĐX 05 (từ QL 57, đến ranh xã An Thới-Đường Giồng Vỡ), xã An Định	8051428	UBND huyện Mô Cày Nam	553	517	36	Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP
2	Huyện Thanh Phú			2,470	2,417	53	
	Xây dựng công chào nông thôn mới xã Hòa Lợi, Bình Thạnh		UBND huyện Thanh Phú	684	680	4	Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP
	Xây dựng Đường ĐA.03 (từ QL57 đến đường ĐA,04), xã Tân Phong, huyện Thanh Phú		UBND huyện Thanh Phú	900	883	17	Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP
	Mở rộng trụ sở Ban Quản lý khu du lịch di tích đường HCM trên biển		UBND huyện Thanh Phú	326	315	11	Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP
	Bồi thường mở rộng và dặm vá, sửa chữa tuyến đường ĐX.03 (đường ra khu du lịch Côn Búng), xã Thanh Hải và Dặm vá đường vào khu xử lý rác thị trấn Thanh Phú		UBND huyện Thanh Phú	560	539	21	Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP
3	Huyện Mô Cày Bắc			7,210	533	6,677	
	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Tân Thành Bình, huyện Mô Cày Bắc	7925685	UBND huyện Mô Cày Bắc	6,262		6,262	Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP
	Đường ĐX.03 (Đoạn từ đường tránh thị trấn Mô Cày đến giáp đường ĐX.03 xã Thành An), xã Hòa Lộc, huyện Mô Cày Bắc	7906078	UBND huyện Mô Cày Bắc	440	51	389	Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP
	Đường ĐA.07 (ĐH.20 (nhà Trương Văn Sáu)- giáp ranh xã Khánh Thạnh tân (nhà Ngô Văn triết) xã Nhuận Phú Tân	8073237	UBND huyện Mô Cày Bắc	178	161	17	Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP
	Đường ĐX.04 (đoạn từ đường ĐH.20 - ĐX.01), xã Khánh Thạnh Tân	8069964	UBND huyện Mô Cày Bắc	330	321	9	Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP
4	Huyện Châu Thành			9,456	8,183	1,273	





	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	Vốn kế hoạch năm 2023	Giải ngân Kế hoạch vốn đến ngày 31/01/2024	Số vốn còn lại chưa giải ngân và đề nghị kéo dài sang năm 2024	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	Khu Tái định cư dự án cầu Rạch Miễu 2 và Đường gom vào cầu Rạch Miễu 2, huyện Châu Thành (giai đoạn 1)	7969002	UBND huyện Châu Thành	9,456	8,183	1,273	Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP
<b>A.3</b>	<b>VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỔ XÓ KIẾN THIẾT</b>			<b>214,931</b>	<b>180,343</b>	<b>34,588</b>	
<b>I</b>	<b>Giáo dục và Đào tạo</b>			<b>26,577</b>	<b>26,529</b>	<b>48</b>	
	Hỗ trợ đầu tư CSVC, Mua sắm trang thiết bị dạy học thuộc Kế hoạch số 1658/KH-UBND ngày 10/4/2019 về Chương trình sách Giáo khoa giáo dục phổ thông mới từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025			26,577	26,529	48	
	Huyện Thanh Phú			26,577	26,529	48	
1	Trường THCS Thị Trấn Thanh Phú	7740567	UBND huyện Thanh Phú	26,577	26,529	48	Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực công cộng</b>			<b>188,354</b>	<b>153,814</b>	<b>34,540</b>	
1	Dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	7610433	UBND thành phố Bến Tre	188,354	153,814	34,540	Căn cứ điểm d, khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP
<b>A.4</b>	<b>VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN CHUYÊN NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2022 SANG NĂM 2023 (NGUỒN TIẾT KIỆM CHI)</b>			<b>14,522</b>	<b>10,321</b>	<b>4,201</b>	
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Y tế</b>			<b>14,522</b>	<b>10,321</b>	<b>4,201</b>	
1	Bệnh viện đa khoa huyện Ba Tri	7851849	BQLDA công trình XD&DD	10,000	6,422	3,578	Căn cứ điểm d, khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP
2	Cải tạo tầng trệt khối F1, F2 (Khu Cấp cứu) và Khu khám Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	7914262	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	4,522	3,899	623	Căn cứ điểm d, khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP
<b>A.5</b>	<b>VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN TẶNG THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT NĂM 2023</b>			<b>12,690</b>	<b>22</b>	<b>12,668</b>	





	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	Vốn kế hoạch năm 2023	Giải ngân Kế hoạch vốn đến ngày 31/01/2024	Số vốn còn lại chưa giải ngân và đề nghị kéo dài sang năm 2024	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
I	Lĩnh vực Giao thông			12,690	22	12,668	
1	Khu Tái định cư dự án cầu Rạch Miễu 2 và đường gom vào cầu Rạch Miễu 2	7976592	UBND TPBT	12,690	22	12,668	Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP





Phụ lục II

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2023  
KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 04 /2024/NQ-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	Vốn kế hoạch năm 2023	Giải ngân Kế hoạch vốn đến ngày 31/01/2024	Số vốn còn lại chưa giải ngân và đề nghị kéo dài sang năm 2024	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>TỔNG</b>			<b>20,695</b>	<b>1,453</b>	<b>19,242</b>	
<b>A</b>	<b>VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN TĂNG THU SỬ DỤNG ĐẤT</b>			<b>20,695</b>	<b>1,453</b>	<b>19,242</b>	
<b>I</b>	<b>Huyện Mỏ Cày Bắc</b>			<b>17,785</b>	<b>1,246</b>	<b>16,539</b>	
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Tân Thành Bình, huyện Mỏ Cày Bắc	7925685	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	14,311		14,311	Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP
2	Đường N11 - Khu dân cư Trung tâm Thương mại Chợ Ba Vát, xã Phước Mỹ Trung (Thị trấn Phước Mỹ Trung)	8071129	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	3,298	1,099	2,199	Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP
3	Đường ĐA.06 ấp Thanh Hòa (lộ đất cứng), xã Thành An	7906984	UBND huyện Mỏ Cày Bắc	176	147	29	Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP
<b>II</b>	<b>Huyện Mỏ Cày Nam</b>			<b>2,910</b>	<b>207</b>	<b>2,703</b>	
1	Đường ĐX.02 (từ QL.57 đến giáp đường ĐX.01 xã An Thới), xã An Định	8059479	UBND huyện Mỏ Cày Nam	2,910	207	2,703	Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 48, Nghị định 40/2020/NĐ-CP